

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2018.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng;
2. Bà Đặng Thị Phương Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 893/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Hẻm 5, Đường HCN, khu phố N, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Ông Nguyễn Văn T- Luật sư của Công ty Luật TNHH Một thành viên BP thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh;

Địa chỉ cư trú: Đường TC, khu phố N, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Tấn S, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Hẻm 5, Đường HCN, khu phố N, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng A (gọi tắt là AB).

Địa chỉ trụ sở: Phố LH, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đơn vị được ủy quyền tham gia tố tụng: Ngân hàng A1; địa chỉ: Đường CMTT, khu phố B, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tự T – Giám đốc Ngân hàng A; vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Vương Hoàng T – Cán bộ pháp chế Ngân hàng A (Văn bản ủy quyền ngày 04/4/2018); có mặt.

3.2. Ngân hàng T (gọi tắt là S).

Địa chỉ trụ sở: Đường NKKN, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Đơn vị được ủy quyền tham gia tố tụng: Ngân hàng T1; địa chỉ: Đường B, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S – Giám đốc Ngân hàng T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh S tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh vào ngày 28/11/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh S không hòa hợp về mọi mặt, anh S hay nhậu nhẹt, say xỉn, mỗi lần uống rượu vào là chửi mắng, hăm dọa đuổi chị T ra khỏi nhà, nhiều lần đánh đập chị T. Trong 10 năm chung sống, anh S tiền phát gạo đông nên chị T phải vay mượn người khác để trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình. Một năm trở lại đây chị và anh S tuy sống chung nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung tên Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2009; Trịnh Mỹ D, sinh ngày 11/9/2013. Tại phiên tòa chị T đồng ý giao con chung Trịnh Tuấn K cho anh S nuôi dưỡng, chị được quyền nuôi dưỡng cháu Trịnh Mỹ D và đồng ý anh S cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 01/5/2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh S có vay tại Ngân hàng A số tiền vốn 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh; vay tại Ngân hàng T số tiền vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Tại các biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trịnh Tấn S trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh có đánh đập chị T vài lần nguyên nhân là do trong năm 2017 chị T chi tiêu hoang phí, gây nợ khoảng gần 200.000.000 đồng, anh phải đứng ra trả nợ. Chị T còn mê chơi, có

quan hệ tình cảm với người khác. Khoảng 01 năm nay anh và chị T sống chung nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng với nhau. Do các con chung còn nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng có thể giải quyết được nên trong quá trình giải quyết vụ án anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Tại phiên tòa, anh thừa nhận bản thân hay nhậu nhẹt là do tính chất công việc, có chửi mắng chị T những lúc tức giận, anh nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2009; Trịnh Mỹ D, sinh ngày 11/9/2013. Anh yêu cầu được quyền nuôi con chung Trịnh Tuấn K và đồng ý giao con chung Trịnh Mỹ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 01/5/2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 26/02/2018, ông Võ Tự T- người đại theo ủy quyền của Ngân hàng A trình bày:

Ngày 05/6/2017, Ngân hàng A có cho anh S và chị T vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn trả nợ: 05/6/2018 theo hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-201704464. Tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay trên là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03626, diện tích 173m², thửa đất số 91, tờ bản đồ số 95 do Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh cấp ngày 09/02/2015 cho anh S, chị T. Hợp đồng thế chấp số 249/2015/HĐTC ngày 28/5/2015 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiện nay chị T, anh S còn nợ số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Ngân hàng đề nghị khi Tòa án xét xử không phân chia tài sản thế chấp khi khách hàng chưa trả hết nợ.

Ngày 04/4/2018 ông Võ Tự T có văn bản ủy quyền cho ông Vương Hoàng T tham gia giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ trong vụ án này.

Tại văn bản ngày 14/3/2018 và ngày 16/3/2018, ông Nguyễn Hồng S - người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T trình bày:

Ngày 09/02/2018, Ngân hàng T có cho anh S, chị T vay số tiền 400.000.000 đồng; ngày đáo hạn: 07/02/2019 theo hợp đồng số 01/LD1705500039. Tính đến ngày 14/3/2018 anh S, chị T còn nợ gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi: 3.797.260 đồng. Ngân hàng yêu cầu khách hàng trả nợ trước khi Tòa án xét xử ly hôn.

Tại Công văn số 027/2018/CV-KSRR ngày 16/3/2018, Ngân hàng thay đổi ý kiến sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết nợ trong 01 vụ án khác nếu anh S, chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hồng S vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, luật sư Nguyễn Văn T- người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Luật sư thống nhất với lời trình bày của chị T và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Riêng ông Nguyễn Hồng Sơn có văn bản đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xét xử là đúng với quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận chị Lê Thị Thanh T và anh Trịnh Tấn S thuận tình ly hôn. Giao con chung Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2009 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Giao con chung Trịnh Mỹ D, sinh ngày 11/9/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng/tháng bắt đầu từ ngày 01/5/2018 cho đến khi cháu Đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Chị T, anh S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Tấn S và được quyền nuôi con chung khi ly hôn. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, do bị đơn có nơi cư trú tại Đường HCN, khu phố N, phường M, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, nên căn cứ vào Khoản 7 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ông Nguyễn Hồng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐK, huyện CT, tỉnh Tây Ninh vào ngày 28/11/2008 là đúng với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh S đều xác nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do không hòa hợp về lối sống, anh S có nhậu nhẹt, chửi mắng, có đánh đập chị T. Khoảng 01 năm nay anh chị tuy sống chung 01 nhà nhưng không có quan hệ vợ chồng với nhau. Quá trình giải quyết anh S không đồng ý ly hôn nhưng xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S, chị T không thể hàn gắn được và tại phiên tòa anh S đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị T và anh S tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trịnh Tấn S có 02 con chung tên là Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2009; Trịnh Mỹ D, sinh ngày 11/9/2013.

Tại phiên tòa, anh chị thống nhất giao con chung Trịnh Tuấn K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Trịnh Mỹ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T, anh S, Ngân hàng T và Ngân hàng A đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi xảy ra tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ở 01 vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Chị Lê Thị Thanh T, anh Trịnh Tấn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét thấy đề nghị của luật sư Nguyễn Văn T và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Trịnh Tấn S.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trịnh Tấn S có 02 con chung tên là Trịnh Tuấn K, sinh ngày 02/4/2009; Trịnh Mỹ D, sinh ngày 11/9/2013. Anh chị thống nhất:

Giao con chung Trịnh Tuấn K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh S không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung Trịnh Mỹ D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng/01 tháng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/5/2018 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh S, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trịnh Tấn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T, anh Trịnh Tấn S, Ngân hàng T và Ngân hàng A đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị T đã nộp tại biên lai thu số 0004947 ngày 22/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Trịnh Tấn S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- CCTHADS TPTN;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Đồng Khởi
Huyện Châu Thành, Tây Ninh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Văn An